

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU GIÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	421.741	TỔNG SỐ CHI	421.741
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	6.220	I. Chi đầu tư phát triển	110.479
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	121.889	II. Chi thường xuyên	302.183
III. Thu bổ sung	293.632	III. Dự phòng	9.079
- <i>Bổ sung cân đối</i>	279.414		
- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	14.218		
IV. Thu chuyển nguồn			

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU GIẤY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	324.325	316.655	219.645	421.741	0,68	1,33
I	1. Các khoản thu 100%	1.920	1.920	25.520	6.220	13,29	3,24
	- Phí, lệ phí	650	650	1.500	700	2,31	1,08
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	980	980	1.500	1.500	1,53	1,53
	- Thuế tài nguyên	20	20	20	20		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		-	17.500	1.000		
	- Thu khác	270	270	5.000	3.000	18,52	11,11
II	II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14.560	6.890	194.125	121.889	13,33	17,69
1	1. Các khoản thu phân chia	5.980	3.480	-	-	-	-
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	5.000	2.500			-	-
2	2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	8.580	3.410	194.125	121.889	22,63	35,74
	Thuế thu nhập cá nhân	2.800		21.000		7,50	
	Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh	5.780	3.410	79.100	46.669	13,69	13,69
	Thu tiền sử dụng đất	-	-	94.000	75.200		
	Thu tiền thuê đất	-	-	25	20		
III	III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	IV. Thu chuyển nguồn	19.943	19.943			-	-
V	V. Thu kết dư ngân sách năm trước	2.331	2.331			-	-
VI	VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	285.571	285.571	-	293.632	-	1,03
	- Bổ sung cân đối ngân sách	204.365	204.365		293.632		
	- Bổ sung có mục tiêu	81.206	81.206				

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU GIẤY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			DỰ TOÁN NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	380.889	61.025	319.864	421.741	110.479	311.262	1,11	1,81	0,97
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	177.028		177.028	186.305		186.305	1,05		1,05
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	750		750	125		125	0,17		0,17
3	Chi y tế	951		951	-		-	-		-
4	Chi văn hóa, thông tin	389		389	224		224	0,58		0,58
5	Chi phát thanh, truyền thanh	226		226	136		136	0,60		0,60
6	Chi thể dục thể thao	156		156	156		156	1,00		1,00
7	Chi bảo vệ môi trường	5.261		5.261	7.752		7.752	1,47		1,47
8	Chi các hoạt động kinh tế	11.040		11.040	8.500		8.500	0,77		0,77
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	78.315		78.315	42.923		42.923	0,55		0,55
10	Chi cho công tác xã hội	16.321		16.321	22.568		22.568	1,38		1,38
11	Chi an ninh quốc phòng	14.078		14.078	11.703		11.703	0,83		0,83
12	Chi khác	64.004	61.025	2.979	132.270	110.479	21.791	2,07	1,81	7,31
13	Chi tạo nguồn CCTL	8.180		8.180	-			-		-
14	Dự phòng ngân sách	4.190		4.190	9.079		9.079	2,17		2,17

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU GIÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		77.163	5.471	61.025	61.025	-	-	-	-
1. Công trình chuyển tiếp		35.703	3.270	31.728	31.728	-	-	-	-
Đường Tổ 15 nhánh 1 ấp Ngô Quyền	2024-2025	2.745	0	2.664	2.664				
Đường nội đồng 78A, 78B (tờ bản đồ số 43 xã Lộ 25)	2024-2025	3.152	0	3.002	3.002				
Đường nội đồng 78C (tờ bản đồ số 42, tờ 8, ấp 3 xã Lộ 25):	2024-2025	3.417	0	3.036	3.036				
Nạo vét khơi thông mương thủy lợi cánh đồng Cây Khô	2024-2025	1.172	0	1.046	1.046				
Đường ven lô 203-205 ấp Nguyễn Thái Học	2024-2025	11.877	1.068	11.071	11.071				
Đường tổ 8 ấp 1	2024-2025	4.451,0	522,0	3.409,0	3.409,0				
Đường nội đồng nhánh 1,2 tờ 18 ấp Lê Lợi	2024-2025	3.404,0	237,0	2.888,0	2.888,0				
Nâng cấp, cải tạo đường xung quanh Chợ Tân Lập	2024-2025	1.748,0	261,0	1.674,0	1.674,0				
Đường điện hạ thế khu đồi đỏ	2024-2025	1.816,0	583,5	1.450,0	1.450,0				
Tuyến điện hạ thế khu cầu Máng ấp Ngô Quyền	2024-2025	729,0	199,0	494,0	494,0				
Tuyến điện hạ thế khu vực cây vú sữa, ấp Nguyễn Thái Học	2024-2025	639,0	211,5	529,0	529,0				
Tuyến điện hạ thế khu Lê lợi – Bàu Hàm nổi dài	2024-2025	553,0	187,5	465,0	465,0				
Trong đó: hoàn thành trong năm		21.081	2.202	17.993	17.993	-	-	-	-

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Đường nội đồng 78A, 78B (tờ bản đồ số 43 xã Lộ 25)	2024-2025	3.152	0	3.002	3.002				
Đường nội đồng 78C (tờ bản đồ số 42, tờ 8, ấp 3 xã Lộ 25):	2024-2025	3.417	0	3.036	3.036				
Nạo vét khơi thông mương thủy lợi cánh đồng Cây Khô	2024-2025	1.172	0	1.046	1.046				
Đường tổ 8 ấp 1	2024-2025	4.451,0	522,0	3.409,0	3.409,0				
Đường nội đồng nhánh 1,2 tờ 18 ấp Lê Lợi	2024-2025	3.404,0	237,0	2.888,0	2.888,0				
Nâng cấp, cải tạo đường xung quanh Chợ Tân Lập	2024-2025	1.748,0	261,0	1.674,0	1.674,0				
Đường điện hạ thế khu đồi đỏ	2024-2025	1.816,0	583,5	1.450,0	1.450,0				
Tuyến điện hạ thế khu cầu Máng ấp Ngô Quyền	2024-2025	729,0	199,0	494,0	494,0				
Tuyến điện hạ thế khu vực cây vú sữa, ấp Nguyễn Thái Học	2024-2025	639,0	211,5	529,0	529,0				
Tuyến điện hạ thế khu Lê lợi – Bàu Hàm nổi dài	2024-2025	553,0	187,5	465,0	465,0				
2. Công trình khởi công mới		20.379	-	11.304	11.304	-	-	-	-
Nâng cấp đường tổ 15 ấp Ngô Quyền	2026	4.875		4.751	4.751				
Đường nội đồng tổ 28 ấp 2	2026	7.159		6.553	6.553				
Đường tổ 16 ấp Ngô Quyền xã Bàu Hàm 2	2026	1.501							
Xây dựng đường tổ 6,7 ấp 4	2026	1.659							
Đường nhánh 1 tờ 20 ấp 2	2026	3.524							
Đường Hưng Long nhánh 1 nổi dài	2026	1.661							

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU GIÂY

Biểu số 107/CK TC-NSNN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	(năm hiện hành)					
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
-						
-						
-						
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi